

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
LIÊN CHIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 336/BB-THPTLC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**BIÊN BẢN**  
**Niêm yết công khai cơ sở giáo dục năm học 2022 – 2023**  
**theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT**

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT - BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Hôm nay, trường THPT Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng tiến hành niêm yết các nội dung công khai theo quy định tại điều 6 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

- **Thời gian:** Hồi 8 giờ 30 phút ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- **Địa điểm:** Tại Trường THPT Liên Chiểu.

- **Thành phần:**

+ Ban giám hiệu nhà trường: 3/3 đồng chí;

+ Đại diện BCH Công đoàn trường; Đoàn trường, tổ chuyên môn; bộ phận kế toán, văn thư nhà trường, giáo viên phụ trách trang Website.

- **Nội dung:** Ban lãnh đạo nhà trường tiến hành xem xét các biểu mẫu thống kê nội dung công khai theo TT 36/2017 và tiến hành niêm yết công khai tại cơ sở.

Hình thức công khai: + Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường.

+ Trên bảng niêm yết công khai.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Biên bản hoàn thành hồi 08 giờ 55 phút./.

THƯ KÝ

Nguyễn Văn Chi



Phạm Minh

Số: ~~331~~/KH-THPTLC

Đà Nẵng, ngày ~~11~~ tháng ~~8~~ năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**VỀ VIỆC CÔNG KHAI CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG THPT LIÊN CHIỂU**  
**năm học 2022 – 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 482/SGDDT-KHTC, ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng về việc triển khai Thông tư 36/2017/TT- BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Liên Chiểu lập kế hoạch thực hiện công khai năm học 2022 - 2023 như sau:

**I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI**

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá công tác giáo dục của nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

**II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (thực hiện theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).



c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định, (thực hiện theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## 3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện nghiêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

### **III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

1. Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan;

2. Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Về công tác công khai tài chính ngoài việc thực hiện công khai theo quy định nói trên, nhà trường còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh khi cơ sở giáo dục và đào tạo tuyển sinh đối với học sinh;

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022 – 2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023 – 2024 cho Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng trước ngày 30/9/2023.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

5. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức

6. Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

7. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

8. Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai cơ sở giáo dục năm học 2022 – 2023 của trường THPT Liên Chiểu./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Thông báo HĐSP, trang Website;
- Lưu:VT,HT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh**



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
LIÊN CHIỂU

Số: 332/TB-THPTLC

Biểu số 09  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông,**  
**Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh THPT hiện hành và hướng dẫn tuyển sinh đầu cấp hàng năm của Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Phối hợp kịp thời, thường xuyên và có hiệu quả giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh rèn luyện hạnh kiểm, lễ phép, văn hóa trong ứng xử tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể, chấp hành tốt luật pháp.</p> <p>- Học sinh có ý thức tự giác học tập, chấp hành nội qui học tập và kiểm tra đánh giá, rèn luyện kỹ năng học tập tích cực, sáng tạo.</p>		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>- Hoạt động câu lạc bộ, tổ chức phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ, tham quan dã ngoại, các hội trại truyền thống, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, tổ chức các ngày hội,... nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.</p>		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>- Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Yếu dưới 2%. xếp loại Khá, tốt trên 90%.</p> <p>- Về học lực: Giỏi trên 10%; Khá: trên 45%; Yếu, kém dưới 1%.</p> <p>- 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.</p>		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<b>Khối 10:</b> Tỷ lệ học sinh	<b>Khối 11:</b> Tỷ lệ học sinh	<b>Khối 12:</b> - 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT

		lên lớp trên 98%	lên lớp trên 98%	QG - Tỷ lệ tốt nghiệp THPT trên mặt bằng chung của thành phố. - Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.
--	--	---------------------	---------------------	---

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT;
- BGH;
- TBHĐ, TBHS;
- Đăng website trường;
- Dán bảng tin trường;
- Lưu: VT; VP.

**HIỆU TRƯỞNG****Phạm Minh**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
LIÊN CHIỀU

Biểu số 10  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 333/TB-THPTLC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học  
phổ thông, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1120</b>	<b>402</b>	<b>388</b>	<b>330</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.80%	92.79%	96.65%	98.48%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4.02%	6.97%	3.09%	1.52%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.18%	0.25%	0.26%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1120</b>	<b>402</b>	<b>388</b>	<b>330</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	12.14%	7.21%	15.98%	13.64%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	69.73%	63.18%	68.56%	79.09%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17.77%	28.61%	15.46%	7.27%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.18%	0.50%	0.00%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1120</b>	<b>402</b>	<b>388</b>	<b>330</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.64%	99.00%	100.00%	100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	12.14%	7.21%	15.98%	13.64%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	69.73%	63.18%	68.56%	79.09%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.18%	0.50%	0.00%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.18%	0.50%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.71%	0.75%	1.29%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>IV</b>	<b>Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>21</b>
1	Cấp tỉnh/ thành phố	23	0	2	21
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>330</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>330</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>330</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>330</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>





SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
LIÊN CHIỀU

Biểu mẫu 11  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 334/TB-THPTLC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2022 – 2023**

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	18	Số 1.16m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	05	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	01/phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	45hs/lớp	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	9.366,2	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	7.302	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	2.129	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	810	67.5m <sup>2</sup> /01 phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	262	87.6m <sup>2</sup> /01 phòng
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	116	116m <sup>2</sup> /01 phòng
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		822m <sup>2</sup> /01 phòng
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	27 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	17	
1.2	Khối lớp 11	0.75	
1.3	Khối lớp 12	0.75	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	9	
2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	Không có	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	105	Số học sinh/bộ 12,2
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	25	
5	Thiết bị khác...	06	
6	.....		

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	25	
5	Thiết bị khác...	06	
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	Không.
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	Không.

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	Không	Không	Không
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	Không	Không	Không

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09		07		0,09
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp



học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT;
- BGH;
- TBHĐ, TBHS;
- Đăng website trường;
- Dán bảng tin trường;
- Lưu: VT; VP.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Phạm Minh*  
**Phạm Minh**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
LIÊN CHIỀU

Số: 335/TB-THPTLC

Biểu số 12  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
năm học 2022-2023

TT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên</b>	<b>65</b>		<b>17</b>	<b>44</b>	<b>1</b>		<b>3</b>	<b>53</b>	<b>5</b>		<b>1</b>	<b>45</b>	<b>1</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo viên (Trong đó số giáo viên dạy môn):</b>	<b>55</b>		<b>16</b>	<b>39</b>				<b>53</b>	<b>2</b>		<b>1</b>	<b>42</b>	<b>1</b>	
1	Toán	8		3	5				8				8		
2	Lý	5		2	3				5				4		
3	Hóa	6		3	3				5	1			6		
4	Sinh	4			4				4				4		
5	Tin	2		1	1				2				1		
6	KTNN														
7	KTCN														
8	Ngữ văn	9		3	6				9				7		
9	Lịch sử	4			4				4				2	1	
10	Địa lý	3			3				3				3		
11	GDCD	3			3				3			1	1		
12	Anh văn	6		4	2				5	1			4		
13	Thể dục	3			3				3				1		
14	Quốc phòng	2			2				2				1		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>		<b>1</b>	<b>2</b>					<b>3</b>			<b>3</b>		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1		
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2			2		

III	Nhân viên	7			3	1		3						
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1			1									
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên CNTT													
9	Bảo vệ ND68	3						3						

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT;
- BGH;
- TBHĐ, TBHS;
- Đăng website trường;
- Dán bảng tin trường;
- Lưu: VT; VP.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Minh**